

Tiết 25, 26: BÀI 10. GIỚI THIỆU VỀ MÔI TRƯỜNG NUÔI THỦY SẢN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức và năng lực công nghệ

- Trình bày được các yêu cầu chính của môi trường nuôi thủy sản.
- Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi thủy sản.

2. Năng lực chung

- Lựa chọn được tài liệu phù hợp để tìm hiểu thêm về các yêu cầu cụ thể của môi trường nuôi đối với mỗi loài thủy sản nuôi phổ biến ở Việt Nam và thế giới.
- Trao đổi, thảo luận về các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi thủy sản tại địa phương.

3. Phẩm chất

Có ý thức tìm hiểu về yêu cầu chính của môi trường nuôi thủy sản và các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

4. Đối với giáo viên

- SGK, SGV Công nghệ 12 – Lâm nghiệp – Thủy sản.
- Hình 10.1 trong SGK, video về môi trường nuôi thủy sản và các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi thủy sản.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

5. Đối với học sinh

- Đọc trước bài học trong SGK; tìm kiếm và đọc trước tài liệu, hoạt động theo nội dung được giao.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu

Thông qua hình ảnh và các câu hỏi gợi ý giúp HS gợi nhớ lại những kiến thức đã có về nuôi trồng thủy sản, giúp HS biết thêm về nuôi trồng thủy sản và muốn tìm hiểu về các nội dung mới, lí thú trong bài học.

b. Nội dung

HS tham gia trò chơi “TRUY TÌM MANH MỐI” để tìm chủ đề của bài học

c. Sản phẩm

Câu trả lời của HS: Nhiệt độ, màu nước, thủy sinh, ao hồ, oxygen

Chủ đề: Môi trường nuôi thủy sản

O	J	X	J	A	U	S	B	H	A	T	I
T	E	R	U	V	A	T	M	B	E	O	H
H	P	K	D	M	R	S	J	I	V	W	O
U	N	H	L	O	D	O	T	R	O	N	G
Y	U	G	U	Q	M	I	F	N	X	V	V
S	G	Y	Z	D	O	A	Y	Q	Y	N	F
I	P	E	T	H	U	R	N	Y	G	F	W
N	S	S	T	Y	A	Z	O	U	E	Q	U
H	B	Q	X	P	H	Y	Q	T	N	L	A
T	H	O	N	H	U	O	N	G	S	G	K
W	X	S	W	U	Z	J	X	N	F	J	T
N	H	I	E	T	D	O	N	U	O	C	N

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
Chuyển giao nhiệm vụ	
- GV chia lớp thành 8 nhóm, giới thiệu cho HS trò chơi “Truy tìm manh mối” - Cách chơi: Quan sát thông tin từ ngữ, hình ảnh để tìm từ khóa. Giải từ khóa đúng →hiện ra bức tranh→dự đoán chủ đề của bức tranh →dẫn vào bài học. Thời gian: 3 phút. - Nhóm giơ tay nhanh nhất được quyền trả lời. Nhóm nào trả lời nhiều câu đúng nhất →chiến thắng nhận 1 sao.	- HS tiếp nhận nhiệm vụ được giao, phân chia các nhóm
Thực hiện nhiệm vụ	
GV thực hiện trò chơi để HS tham gia và quan sát hoạt động của các nhóm	HS quan sát thông tin hình ảnh, từ ngữ và trả lời
Báo cáo, thảo luận.	
- GV gọi bất kì HS trong nhóm giơ tay nhanh nhất trả lời	Đại diện HS báo cáo, HS khác nhận xét, bổ sung.
Kết luận, nhận định	
GV dẫn dắt HS vào nội dung bài mới	

Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

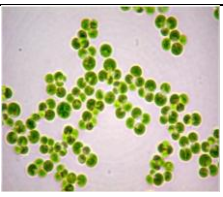
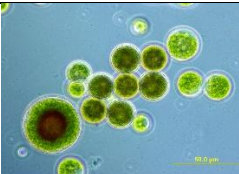
2.1 Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu chính của môi trường nuôi thủy sản

a. Mục tiêu

Giúp HS nhận diện được các yêu cầu chính của môi trường nuôi thủy sản.

b. Nội dung

- HS sử dụng kĩ thuật mảnh ghép thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu về thủy lí (Phiếu học tập số 1, 2).
- HS thực hiện kĩ thuật khăn trải bàn hoàn thành nội dung yêu cầu về thủy hóa (Phiếu học tập số 3).
- HS tham gia trò chơi tiếp sức “Khám phá thủy cung” hoàn thành nội dung yêu cầu về thủy sinh.

				
1. Rong đuôi chồn	2. Bèo lục bình	3. Tảo <i>Chlorella</i> sp.	4. Loài giáp xác tí hon	5. <i>Chaetoceros</i> sp.
				
6. Động vật phù du	7. Tảo lam	8. Tảo lục	9. Sứa hồng <i>Pelagia noctiluca</i>	10. Tảo Sillic

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Tìm hiểu về nhiệt độ nước

Nghiên cứu thông tin sgk/52 hãy hoàn thành bảng sau:

Câu 1: Hầu hết động vật thủy sản thuộc nhóm động vật

Câu 2:

Loài ĐV thủy sản nuôi	Khoảng nhiệt độ giới hạn (°C)	Khoảng nhiệt độ thích hợp (°C)
Tôm càng xanh		
	4 - 35	
		18 - 25

- Nhận xét về nhiệt độ môi trường nước của các loài thủy sản trên?

.....

- Điều gì sẽ xảy ra nếu nhiệt độ nước vượt quá khoảng nhiệt độ giới hạn của mỗi loài thủy sản trên?

.....

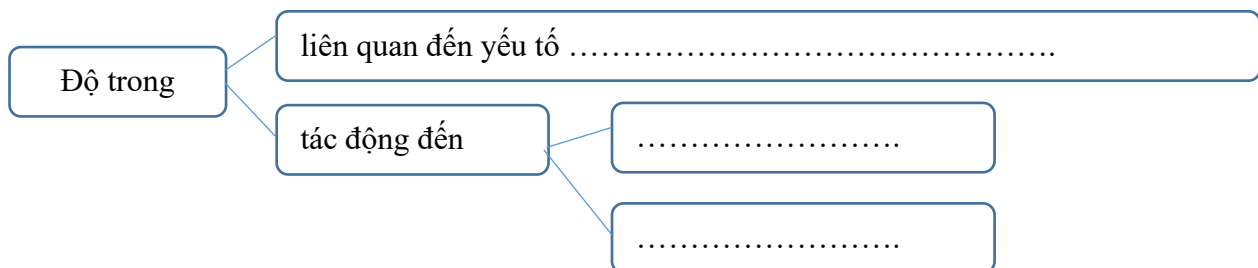
- Khoảng nhiệt độ phù hợp để nuôi các loài cá vùng nhiệt đới là:.....

- Khoảng nhiệt độ phù hợp cho các loài cá nước lạnh là:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Tìm hiểu về độ trong và màu nước

Câu 1: Nghiên cứu thông tin sgk/53 hãy điền các từ/cụm từ còn thiếu vào chỗ trống



Câu 2: Chọn từ thích hợp bằng cách khoanh tròn hoặc gạch chân dưới từ đúng.

- Nếu độ trong thấp, sự quang hợp của sinh vật phù du (tăng / giảm) làm (tăng / giảm) lượng oxygen trong ao.

- Màu nước nuôi phù hợp cho ao nuôi cá nước ngọt là màu (xanh rêu / xanh nõn chuối). Màu nước phù hợp cho ao nuôi tôm là màu (vàng nâu / vàng cam).

Câu 3: Hãy chọn và nối thông tin ở cột B vào cột A sao cho phù hợp với màu nước và độ trong của thủy vực.

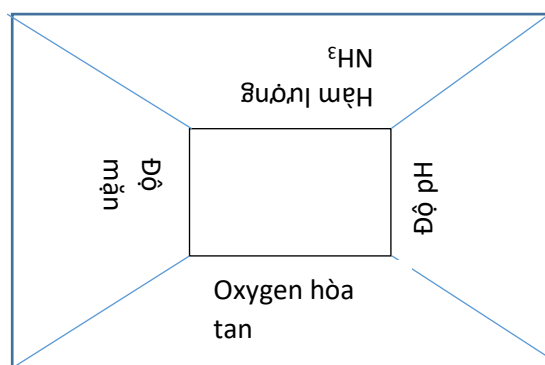
Cột A		Cột B	Màu nước không phù hợp nuôi thủy sản (đánh dấu x)
Màu vàng nâu		Sự phát triển của tảo lục (Chlorophyta)	

Màu vàng cam		Sự phát triển quá mức của tảo lam	
Màu đỏ gạch		Tảo silic phát triển mạnh	
Màu xanh nõn chuối		Nước có nhiều phù sa	
Màu xanh rêu		Nước bị nhiễm phèn	

- Nguyên nhân độ trong và màu nước thủy vực thay đổi là do:.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Tìm hiểu yêu cầu về thủy hóa



Hình 10.2.a. Màu nước phù hợp



Hình 10.2.b. Màu nước không phù hợp

c. Sản phẩm

- Kết quả phiếu học tập của các nhóm

ĐÁP ÁN

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Tìm hiểu về nhiệt độ nước

Nghiên cứu thông tin sgk/52 hãy hoàn thành bảng sau:

Câu 1: Hầu hết động vật thủy sản thuộc nhóm động vật biến nhiệt

Câu 2:

Loài ĐV thủy sản nuôi	Khoảng nhiệt độ giới hạn (°C)	Khoảng nhiệt độ thích hợp (°C)
Tôm càng xanh	22 - 33	28 - 30
Cá chép	4 - 35	23 - 28

Cá tầm	5 -31	18 - 25
--------	-------	---------

- Nhận xét về nhiệt độ môi trường nước của các loài thủy sản trên?

Mỗi loài thủy sản có yêu cầu về nhiệt độ môi trường nuôi khác nhau

- Điều gì sẽ xảy ra nếu nhiệt độ nước vượt quá khoảng nhiệt độ giới hạn của mỗi loài thủy sản trên?

+ Sự sinh trưởng của các loài thủy sản giảm

+ Ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng sống sót, các hoạt động quan trọng của động vật thủy sản: hô hấp, tiêu hóa, sinh sản.

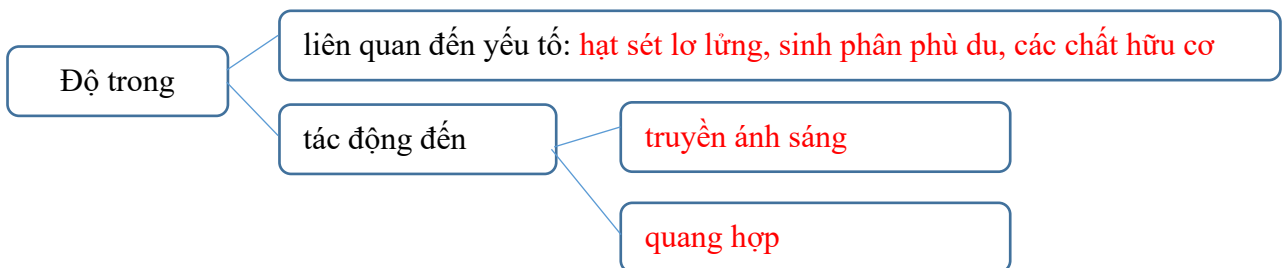
- Khoảng nhiệt độ phù hợp để nuôi các loài cá vùng nhiệt đới là: 25 – 30°C

- Khoảng nhiệt độ phù hợp cho các loài cá nước lạnh là: 13 – 18°C.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Tìm hiểu về độ trong và màu nước

Câu 1: Nghiên cứu thông tin sgk/53 hãy điền các từ/cụm từ còn thiếu vào chỗ trống



Câu 2: Chọn từ thích hợp bằng cách khoanh tròn hoặc gạch chân dưới từ đúng.

- Nếu độ trong thấp, sự quang hợp của sinh vật phù du (*tăng / giảm*) làm (*tăng / giảm*) lượng oxygen trong ao.

- Màu nước nuôi phù hợp cho ao nuôi cá nước ngọt là màu (*xanh rêu / xanh nõn chuối*). Màu nước phù hợp cho ao nuôi tôm là màu (*vàng nâu / vàng cam*).

Câu 3: Hãy chọn và nối thông tin ở cột B vào cột A sao cho phù hợp với màu nước và độ trong của thủy vực.

Cột A		Cột B	Màu nước không phù hợp nuôi thủy sản (đánh dấu x)
Màu vàng nâu		Sự phát triển của tảo lục (Chlorophyta)	
Màu vàng cam		Sự phát triển quá mức của tảo lam	x
Màu đỏ gạch		Tảo silic phát triển mạnh	x
Màu xanh nõn chuối		Nước có nhiều phù sa	
Màu xanh rêu		Nước bị nhiễm phèn	x

- Nguyên nhân độ trong và màu nước thủy vực thay đổi là do: sự phát triển quá mức của các loài tảo và nước bị nhiễm phèn, có nhiều phù sa.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
Chuyển giao nhiệm vụ	
1. Yêu cầu về thủy lý - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ sau: + Nhóm 1, 3 hoàn thành PHT số 1 + Nhóm 2, 4 hoàn thành PHT số 2 2. Yêu cầu về thủy hóa - Gv chia lớp thành 12 nhóm, sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn, yêu cầu các nhóm hoàn thành PHT số 3. Thời gian 5 phút. 3. Yêu cầu về thủy sinh - GV chia lớp thành 6-8 nhóm, phổ biến trò chơi tiếp sức “Khám phá thủy cung” cho HS. - Cách chơi: GV chiếu một số hình ảnh về các sinh vật thủy sinh. Thành viên của mỗi đội lần lượt lên bảng liệt kê các sinh vật đã quan sát được vào đúng cột (TV thủy sinh, ĐV thủy sinh, VSV thủy sinh) và vai trò của chúng. Thời gian 4 phút. Nhóm nào liệt kê nhiều và đúng trong thời gian sớm nhất giành chiến thắng.	- HS tiếp nhận nhiệm vụ được giao
Thực hiện nhiệm vụ	
1. Yêu cầu về thủy lý - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân thời gian 3 phút - HS hoạt động cặp đôi (cùng bàn) thống nhất đáp án, thời gian 1 phút. - 1 HS ở mỗi bàn thuộc nhóm 1 di chuyển sang nhóm 2 và ngược lại (Nhóm 3, 4 tương tự): trao đổi với nhau thông tin ở phiếu học tập, thời gian 3 phút. - GV giới thiệu một số hình ảnh về màu nước thường gặp trong ao nuôi thủy sản cho HS quan sát. 2. Yêu cầu về thủy hóa - GV giám sát, định hướng hoạt động của các nhóm. 3. Yêu cầu về thủy sinh - GV giám sát, định hướng hoạt động của các nhóm.	- HS hoạt động cá nhân hoàn thành PHT số 1, 2. - HS hoạt động cặp đôi thông nhất PHT - Các HS thực hiện dạy học cho nhau để hoàn thành PHT của nhau. - HS thảo luận nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn để hoàn thành PHT. - Các nhóm cử đại diện lần lượt lên ghi kết quả.
Báo cáo, thảo luận.	
1. Yêu cầu về thủy lý - GV mời đại diện HS bất kỳ trình bày - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). 2. Yêu cầu về thủy hóa - GV gọi 1 nhóm trình bày báo cáo.	- Cá nhân trình bày, lớp bổ sung

3. Yêu cầu về thủy sinh	- Đại diện 1 HS trong nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét và bổ sung.
Kết luận, nhận định	
1. Yêu cầu về thủy lý - GV đánh giá, nhận xét và chốt kiến thức cho HS. 2. Yêu cầu về thủy hóa - GV đánh giá, nhận xét hoạt động của các nhóm và chốt kiến thức cho HS. 3. Yêu cầu về thủy sinh GV nhận xét, đánh giá kết quả tham gia trò chơi của các nhóm và chuẩn kiến thức. - GV tổng kết điểm cho các nhóm có thành tích tốt nhất khi tham gia các hoạt động.	HS ghi được vào vở:

I. Các yêu cầu chính của môi trường nuôi thủy sản

Các yêu cầu	Nội dung
Về thủy lý	a) Nhiệt độ nước - Ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động của thủy sản như hô hấp, tiêu hoá, sinh sản,... - Mỗi loài thủy sản có yêu cầu về nhiệt độ môi trường nuôi khác nhau → cần quan tâm đến nhiệt độ nước để chọn nuôi giống thủy sản phù hợp b) Độ trong và màu nước - Độ trong của nước tác động đến sự truyền ánh sáng và quang hợp. - Cần chú ý đến độ trong và màu sắc của nước: + Để chọn lựa loài thủy sản phù hợp. + Để cải thiện độ trong và màu nước theo mong muốn.
Về thủy hóa	a) Độ pH Mỗi nhóm động vật thủy sản có yêu cầu khác nhau về pH nước, pH quá cao hoặc quá thấp đều ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển của động vật thủy sản. b) Hàm lượng NH_3 - NH_3 hình thành trong quá trình phân giải các hợp chất hữu cơ thông qua sự chuyển hoá của nhiều nhóm vi sinh vật. - Hàm lượng NH_3 cho phép trong nước nuôi thủy sản nhỏ hơn 0,5 mg/L. Hàm lượng NH_3 cao có thể gây độc hoặc làm chết động vật thủy sản. c) Độ mặn Mỗi nhóm động vật thủy sản có yêu cầu khác nhau về độ mặn của nước. Độ mặn không phù hợp sẽ ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của động vật thủy sản. d) Oxygen hoà tan – Oxygen hoà tan chủ yếu có nguồn gốc từ oxygen khí quyển và nhờ quá trình quang hợp của một số nhóm thực vật thủy sinh và vi khuẩn lam. – Hàm lượng oxygen hoà tan trong nước nuôi thủy sản là một chỉ tiêu quan

	trọng ảnh hưởng trực tiếp đến thủy sản, đặc biệt là các loài động vật thủy sản. Hàm lượng oxygen trong nước ao nuôi thay đổi nhỏ cũng có thể ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của động vật thủy sản. – Mỗi loài thủy sản có yêu cầu về hàm lượng oxygen hoà tan khác nhau.
Về thủy sinh	a) Thực vật thủy sinh – Vai trò: + Cung cấp oxygen hoà tan cho nước. + Là nơi trú ngụ cho động vật thủy sản. + Duy trì ổn định nhiệt độ môi trường nước, hấp thụ một số kim loại nặng làm giảm ô nhiễm nguồn nước. – Tuy nhiên, mật độ thực vật thủy sinh quá cao sẽ cạnh tranh oxygen hoà tan với động vật thủy sản. Vì vậy, cần đảm bảo chủng loại, mật độ thực vật thủy sinh phù hợp đối với từng loài động vật thủy sản.
	b) Sinh vật phù du Vai trò: – Là nguồn thức ăn chính cho các loài thủy sản tự nhiên. – Ổn định hệ sinh thái môi trường nuôi thủy sản, cung cấp oxygen hoà tan, làm giảm các chất độc hại trong nước, ngăn chặn sự phát triển của tảo sợi.
	c) Vi sinh vật - Vai trò: + Tham gia vào quá trình phân giải thức ăn dư thừa, chất thải của thủy sản nuôi. + Chuyển hoá một số khí độc (NH_3, NO_2 và H_2S) thành chất không độc. - Nhiều loài vi sinh vật có hại, có thể gây bệnh cho thủy sản nuôi, một số nhóm vi khuẩn kị khí sinh ra khí độc như NH_3, H_2S trong quá trình trao đổi chất; sự phát triển quá mức của vi sinh vật hiếu khí có khả năng làm giảm lượng oxygen hoà tan trong nước. Cần có biện pháp làm giảm số lượng vi sinh vật có hại, tăng số lượng vi sinh vật có lợi.

2.2. Nội dung 2: Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi thủy sản

a. Mục tiêu

- HS xác định được các yếu tố tác động và làm thay đổi môi trường nuôi thủy sản.

b. Nội dung

- HS chia thành 5 nhóm thảo luận theo kỹ thuật mảnh ghép.

c. Sản phẩm

Báo cáo của các nhóm về các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi thủy sản là: nguồn nước, tính lưu động của nước, thổ nhưỡng, thời tiết, quy trình nuôi thủy sản.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV hướng dẫn HS thực hiện theo kỹ thuật mảnh ghép. + Vòng 1: Nhóm chuyên gia Nhóm 1: Tìm hiểu ảnh hưởng của nguồn nước đến môi trường nuôi thủy sản. Nhóm 2: Tìm hiểu ảnh hưởng của tính lưu	- HS tiếp nhận nhiệm vụ được giao

động của nước đến môi trường nuôi thủy sản. Nhóm 3: Tìm hiểu ảnh hưởng của thổ nhưỡng đến môi trường nuôi thủy sản. Nhóm 4: Tìm hiểu ảnh hưởng của thời tiết đến môi trường nuôi thủy sản. Nhóm 5: Tìm hiểu ảnh hưởng của quy trình nuôi thủy sản đến môi trường nuôi thủy sản. + Vòng 2: Nhóm mảnh ghép HS di chuyển theo sơ đồ và thực hiện nhiệm vụ: Trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường thủy sản.	
Thực hiện nhiệm vụ	
GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).	HS nghiên cứu mục II, thực hiện theo nhóm chuyên gia và nhóm học tập được giao, chuẩn bị nội dung báo cáo.
Báo cáo, thảo luận.	
GV mời đại diện HS trình bày kết quả nghiên cứu của nhóm. GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).	- Đại diện HS trình bày, các nhóm khác nhận xét và bổ sung.
Kết luận, nhận định	
GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	HS ghi được vào vở:

II. Các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi thủy sản:

Các yếu tố	Nội dung
1. Nguồn nước	- Nguồn nước khác nhau thì đặc điểm thủy lí, thủy hoá và thủy sinh khác nhau. - Phân loại nguồn nước: Nước ngọt và nước biển ven bờ. Các nguồn nước khác nhau sẽ phù hợp với việc nuôi những nhóm thủy sản khác nhau.
2. Tính lưu động của nước	– Vai trò: + Tạo ra sự cân bằng động của các yếu tố vật lí, hoá học và sinh học trong môi trường. + Giúp cho hệ sinh thái nuôi thủy sản duy trì ở trạng thái mở với môi trường bên ngoài. – Nuôi thủy sản trong môi trường nước chảy có hạn chế của là có khả năng làm trôi thức ăn của thủy sản. Còn trong môi trường nước đứng (ao, hồ, đầm,...), nước lưu động chậm và rất dễ bị ô nhiễm. – Biện pháp hỗ trợ sự lưu động của nước: bơm, sục khí, khuấy đảo nước, thay nước, nuôi cá lồng, sử dụng máy quạt nước trong ao nuôi thủy sản,...
3. Thổ nhưỡng	– Thổ nhưỡng là tổng hợp các yếu tố vật lí, hoá học và sinh học của đất.

	Mỗi vùng địa lí khác nhau sẽ có các đặc điểm thổ nhưỡng khác nhau, chúng ảnh hưởng trực tiếp và thường xuyên tới môi trường nuôi thủy sản. – Do môi trường nuôi thủy sản có sự liên hệ trực tiếp với đất nên các thành phần trong đất sẽ khuếch tán vào nước, làm thay đổi đặc tính thủy lí, thủy hoá và thủy sinh.
4. Thời tiết	Môi trường nuôi thủy sản là hệ sinh thái mở, chịu ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ bởi các yếu tố thời tiết như nhiệt độ, mưa, nắng, gió, áp suất khí quyển, độ ẩm, sương mù,... Mỗi sự thay đổi của các yếu tố này dù lớn hay nhỏ đều có tác động đến môi trường nuôi thủy sản.
5. Quy trình nuôi thủy sản	Mật độ nuôi và quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc là những yếu tố ảnh hưởng rõ rệt đến môi trường. – Mật độ nuôi phù hợp sẽ đảm bảo sự cân bằng các yếu tố của môi trường. – Quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc đối tượng nuôi cũng ảnh hưởng lớn đến môi trường. Nếu quy trình không phù hợp có thể dẫn đến tình trạng dư thừa thức ăn, đối tượng nuôi bị bệnh hoặc chết không được xử lí.

Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu

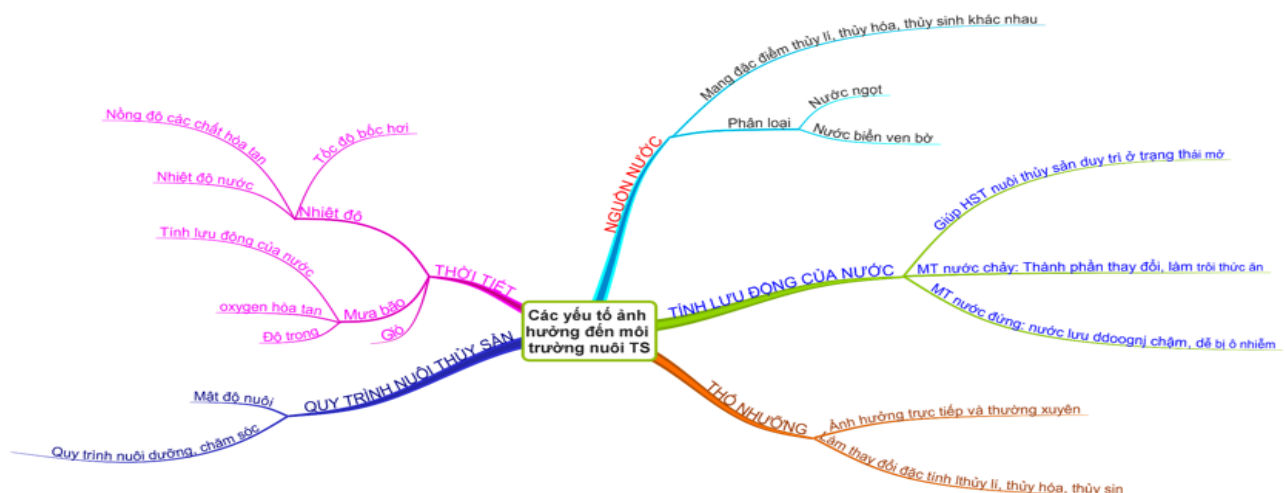
- HS vận dụng những kiến thức đã học và thực tiễn để trả lời câu hỏi.

b. Nội dung

- Trả lời câu hỏi bài tập phần luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ phần Luyện tập và Vận dụng trong SGK.
- Kể tên các yêu cầu chính của môi trường nuôi thủy sản.
- Đề xuất một số việc nên làm để hạn chế các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi thủy sản.

c. Sản phẩm

- Vẽ sơ đồ tư duy về các yêu cầu chính của môi trường nuôi thủy sản



- Bảng đề xuất một số việc nên làm để hạn chế các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi thủy sản.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS tổng hợp lại kiến thức đã học và thực hiện nhiệm vụ như mục Nội dung.	- HS tiếp nhận nhiệm vụ được giao
Thực hiện nhiệm vụ	
	HS tổng hợp lại kiến thức và vận dụng kiến thức vào thực tiễn để đề xuất một số việc nên làm để hạn chế các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi thủy sản.
Báo cáo, thảo luận.	
GV mời HS trình bày bài tập vào tiết học sau.	
Kết luận, nhận định	
GV nhận xét, đánh giá.	

CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

Câu 1. Màu nước nào là màu nước phù hợp với hầu hết các loài thủy sản nước ngọt?

A. Màu bạc.

B. Xanh nước biển.

C. Xanh nõn chuối.

D. Màu trắng.

Câu 2. Tại sao khi xác định loài thủy sản nuôi phù hợp cần quan tâm đến nhiệt độ môi trường?

Câu 3. Nêu một số biện pháp để cung cấp oxygen hoà tan cho nước nuôi thủy sản?

Câu 4. Kể tên các loài thực vật thủy sinh thường gặp trong ao nuôi cá hoặc đầm nuôi tôm. Nêu vai trò của chúng đối với môi trường nuôi thủy sản?

Câu 5. Mô tả một số biện pháp cơ bản xử lý môi trường trước và sau nuôi thủy sản. Liên hệ với thực tiễn ở địa phương em.